

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BÔI
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HS - ST
Ngày 25 - 12 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI - HOÀ BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Kiều Quang Dự

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Minh Phương và Ông: Ngô Trung Tính

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Mai Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2024/TLST - HS ngày 18 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 43/2024/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Văn S**, sinh năm 1992; tại: Huyện V - Hòa Bình

Nơi cư trú: Xóm Vó M, xã Đú S, huyện V, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bô: Không có; Con bà: Bùi Thị Ằ, sinh năm 1954; Vợ: Bùi Thị L, sinh năm 1999, Con: Có 01 con sinh 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 16/5/2024 đến nay có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Đình Huy - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình - Có mặt

- Người bị hại:

Chị: Hoàng Thị Thùy Tr, sinh năm 1986 - Có mặt

Nơi cư trú: Thôn Nghĩa H, xã Phú Ngh, huyện Ch, TP Hà Nội

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị: Vũ Hòa A, sinh năm 1976 - Vắng mặt

Nơi cư trú: 336 Bạch Đ, Chương D, quận H, TP Hà Nội

2. Anh: Hoàng Văn S1, sinh năm 1994 - Có mặt

3. Ông: Bạch Công B, sinh năm 1970 - Vắng mặt

4. Ông: Bùi Văn R, sinh năm 1965 - Có mặt
5. Anh: Bùi Văn Th, sinh năm 1984 - Có mặt
6. Ông: Đinh Thế Đ, sinh năm 1968 - Có mặt
7. Anh: Bùi Văn G, sinh năm 1982 - Có mặt
8. Ông: Bùi Văn B, sinh năm 1973 - Có mặt
9. Ông: Bạch Thế H, sinh năm 1959 - Có mặt
10. Ông: Bạch Công X, sinh năm 1957 - Có mặt
11. Chị: Bùi Thị L, sinh năm 1999 - Có mặt

Đều cư trú tại : Xóm Vó M, xã Đú S, huyện V, tỉnh Hòa Bình

12. Ông: Bùi Văn Đ, sinh năm 1950 - Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm Gò B, xã Đú S, huyện V, tỉnh Hòa Bình

- *Người làm chứng:*

Anh: Bùi Văn L, sinh năm 1989 - Có mặt

Nơi cư trú: Thôn Suối N, xã Hòa S, huyện L, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 13/01/2022, chị Hoàng Thị Thùy Tr đi cùng anh Hoàng Huyền S đến xóm Vó Mái, xã Đú Sáng, huyện Kim Bôi để tìm mua đất rừng sản xuất. Khi chị Tr và anh S đang ngồi ở quán nước đầu xóm Vó Mái thì Bùi Văn S và Hoàng Văn S1 đi đến, sau khi hỏi thăm biết chị Tr đang tìm mua đất rừng, do trước đó biết một số hộ dân ở xóm Vó Mái và xóm Gò Bùi, xã Đú Sáng có đất rừng sản xuất muốn bán nên S và S1 đã giới thiệu cho chị Tr, chị Tr nhờ S và S1 hôm sau đưa mình vào xem đất.

Ngày hôm sau chị Tr đi cùng anh Nguyễn Văn L vào xóm Vó Mái được S1 và S đưa đi xem khu đất rừng của các hộ dân tại khu đồi xóm Vó Mái. Quá trình đi xem đất, S1 và S trao đổi với chị Tr là các hộ dân muốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất rừng của họ với giá 160.000.000 đồng/ha (*thực tế trước đó S1 và S đã đi thỏa thuận giá với các hộ dân và biết một số hộ dân được giá 150.000.000 đồng/ha thì bán, S1 và S tự báo giá với chị Tr lên thêm 10.000.000 đồng/ha mục đích để hưởng chênh lệch*). Chị Tr thấy có thể mua được với mức giá S và S1 đưa ra nên đã nhờ S1 và S làm môi giới chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ dân cho chị Tr, thỏa thuận công môi giới chị Tr trả cho S1 và S tổng là 50.000.000 đồng.

Từ ngày 16/01/2022 đến ngày 19/01/2022, chị Tr đã nhờ anh L cùng S cầm tiền của chị Tr đi đến các hộ dân tại xóm Vó Mái và xóm Gò Bùi, xã Đú Sáng để đặt cọc và lập hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của họ cho chị Tr trong đó chị Tr đưa cho anh L 500.000.000 đồng tiền mặt để đưa cho S,

chị Tr trực tiếp chuyển khoản cho S 03 lần vào tài khoản ngân hàng MB số 0300117039009 của S với tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Tổng số tiền chị Tr giao cho S là 800.000.000 đồng, sau đó S cùng S1 đã trực tiếp thay mặt chị Tr đi đặt cọc cho các hộ dân (*tất cả các hợp đồng đặt cọc đều ghi bên mua là chị Tr và bên bán là thông tin các hộ dân*).

Trong tổng số tiền 800.000.000 đồng chị Tr giao cho S và S1 đã đi đặt cọc cho 09 hộ dân theo hợp đồng đặt cọc hết tổng là 723.000.000 đồng, 50.000.000 đồng chị Tr trả công môi giới cho S và S1 còn thừa 27.000.000 đồng S đã chuyển khoản trả lại cho chị Tr.

Đến khoảng gần giữa tháng 02/2022, Bùi Xuân H đang làm công việc môi giới bất động sản, qua công việc H biết một anh tên là N cư trú tại Hà Nội (không rõ lai lịch), cũng làm về mảng môi giới bất động sản như H, H được anh N cho biết chị Vũ Hòa A có nhu cầu mua đất rừng ở xóm Vó Mái, xã Đủ Sáng, vì vậy H đi đến xóm Vó Mái hỏi một số hộ dân có đất rừng thì các hộ dân nói lại là S đã đặt cọc mua đất của các hộ dân. Sau đó H đi đến gặp S hỏi thì được S cho biết S đã đặt cọc để mua đất rừng của 09 hộ dân ở xóm Vó Mái và xóm Gò Bùi nêu trên với giá 160.000.000 đồng/ha (S không nói S đặt cọc giúp chị Tr), H đặt vấn đề với S về việc H có khách muốn mua đất rừng của các hộ dân với giá 210.000.000 đồng/1ha, nếu S đồng ý bán lại cho khách của H thì tiền chênh lệch sẽ chia nhau, S đồng ý với đề nghị của H, H hẹn S hôm sau đưa khách của H vào xóm Vó Mái để đi xem khu đất rừng của các hộ dân trước khi mua.

Hôm sau, H đưa chị A, anh N vào xóm Vó Mái và được S đưa đến khu đất của các hộ dân muốn bán. Quá trình đi xem đất, S nói với chị A việc S đã đi đặt cọc tiền cho các hộ dân (*S không nói cho chị A biết chị Tr mới là người đặt cọc tiền, không nói là đã đặt cọc bao nhiêu tiền*), rồi S thỏa thuận với chị A giá để chị A mua lại quyền sử dụng đất của các hộ dân qua S là 210.000.000 đồng/ha, S được chị A chuyển khoản đặt cọc 100.000.000 đồng để đảm bảo việc S sẽ chuyển nhượng đất của các hộ dân cho chị A.

Sau khi thỏa thuận, thống nhất, H bảo S gửi cho H ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ảnh căn cước công dân và các giấy tờ liên quan của những người có đất rừng sản xuất muốn chuyển nhượng, sau đó S đã gửi cho H thông tin của 12 hộ dân thuộc xóm Vó Mái và xóm Gò Bùi có 12 thửa đất rừng tại khu đồi xóm Vó Mái muốn chuyển nhượng, trong đó có 06 hộ đã nhận tiền đặt cọc của chị Tr (gồm: *Hộ ông Bạch Công B, hộ ông Bùi Văn G, hộ ông Bùi Văn Th, hộ ông Đinh Thế Đ, hộ ông Bùi Văn R, hộ ông Bùi Văn Đ, những hộ này đất đã có đầy đủ giấy chứng nhận quyền sử dụng*). Sau đó H gửi những hình ảnh này cho chị Bùi Thị Huyền M là nhân viên nghiệp vụ làm việc tại Văn phòng công chứng Đinh Công C, địa chỉ tại tổ 13, phường Đồng T, thành phố Hòa Bình và nhờ chị H soạn thảo trước hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ dân cho bên nhận chuyển nhượng là chị Vũ Hòa A, H bảo S hẹn các hộ dân ngày 16/02/2022

đến nhà S để chị A đến trả tiền mua quyền sử dụng đất và ký kết hợp đồng chuyển nhượng, đồng thời nhờ chị M trực tiếp đến nhà S để làm các thủ tục công chứng.

Quá trình tiếp tục môi giới bán quyền sử dụng đất của các hộ dân đã nhận cọc của chị Tr cho chị A, S có trao đổi lại với S1 sự việc này và bảo S1 không được nói cho chị Tr cùng các hộ dân biết, S nói được khách trả tiền sẽ trả lại tiền cọc cho chị Tr và bồi thường thêm cho chị Tr thêm tiền. S1 nghĩ là S bán cho khách khác sẽ trả lại tiền cọc chị Tr, nên đồng ý với trao đổi của S.

Sau khi môi giới chuyển nhượng cho chị A xong S gọi điện cho chị Tr nói dối là con của các hộ dân không muốn bán đất nữa, họ muốn trả lại tiền cọc cho chị Tr, nghe vậy chị Tr nói đã lập hợp đồng đặt cọc rồi giờ không bán nữa thì phải phạt theo hợp đồng, chị Tr bảo để đến hạn cọc vào gặp trực tiếp các hộ dân xem cụ thể thế nào. Lúc này tuy đã được chị A hoàn lại đủ số tiền cọc của chị Tr đã cọc cho 06 hộ dân trước đó cho S, nhưng S lúc này do còn cần dùng tiền để trả nợ, chi tiêu cá nhân và muốn mua Ôtô để sử dụng nên S chưa trả lại tiền cọc cho chị Tr.

Đến ngày 23/02/2022, chị Tr liên lạc với S báo S hẹn các hộ dân ngày 26/02/2022, chị Tr vào xóm Vó Mái để trả đủ tiền mua quyền sử dụng đất cho các hộ dân theo hợp đồng đã đặt cọc, lúc này S vẫn giấu không cho chị Tr biết việc S đã môi giới bán thửa đất của 06/09 hộ dân đã nhận cọc của chị Tr cho người khác, S vẫn bảo chị Tr để S liên lạc với các hộ dân, nhưng thực tế S không liên lạc với hộ nào. Đến ngày 25/02/2022, S đã chi tiêu hết phần lớn số tiền cọc của chị Tr, trong đó S đã dùng 320.000.000 đồng mua lại 01 chiếc Ôtô cũ nhãn hiệu Hyundai 110 để sử dụng, chỉ còn lại khoảng 270.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng MB của S. Đến ngày 26/02/2022, chị Tr gọi điện cho S để bảo S liên lạc với các hộ dân báo lại việc chị Tr chuẩn bị vào xóm Vó Mái trả tiền cho các hộ dân theo hạn cọc, tuy nhiên không liên lạc được với S (S khai nhận S đi làm, để điện thoại ở nhà). Do đã đến hạn cọc nên chị Tr đi vào xóm Vó Mái gặp trực tiếp các hộ dân để trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho họ theo hợp đồng đặt cọc, khi vào đến xóm Vó Mái chị Tr mới nghe một số hộ dân nói S đã đưa nhóm người khác đến nhà các hộ dân trả đủ tiền mua quyền sử dụng đất cho họ mà không phải là chị Tr, do tin tưởng S là người cùng xóm đưa nhóm người đó đi nên các hộ dân nhầm tưởng là người đến trả đủ tiền cho họ và người đặt cọc tiền cho họ là cùng một người, do đó đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng và bàn giao giấy tờ đất cho nhóm người đó. Chị Tr gọi bạn là anh Hoàng Huyền S cũng đến xóm Vó Mái và nhờ Trưởng xóm Vó Mái lúc này là ông Bùi Văn T mời các hộ dân đã nhận tiền cọc của chị Tr đến nhà văn hóa xóm Vó Mái để làm việc về sự việc trên, đồng thời nhờ anh S lập biên bản ghi nhận lại sự việc.

Đến tối ngày 26/02/2022 S biết chị Tr đã phát hiện ra việc S môi giới bán thửa đất của 06 hộ dân mà chị Tr đã đặt cọc cho người khác, nên S đã tự ý chuyển khoản lại cho chị Tr số tiền 250.000.0000 đồng.

Sau khi biết mình đã bị chị Tr phát hiện S đã liên lạc với chị Tr thừa nhận việc làm trên của mình là sai và xin chị Tr cho hướng giải quyết, sau đó chị Tr tiếp tục vào xóm Vó Mái gặp S và S1 thêm 02 lần nữa, chị Tr yêu cầu S và S1 phải trả lại cho chị Tr tổng số tiền mà chị Tr đã đưa cho S đi đặt cọc cho các hộ dân sau khi trừ đi số tiền 250.000.000 đồng mà S đã chuyển khoản trả lại cho chị Tr (

773.000.000 đồng - 250.000.000 đồng = 523.000.000 đồng). Lúc này S nói với chị Tr là S không có đủ tiền để trả lại luôn cho chị Tr và xin chị Tr cho khoảng thời gian để trả dần nhưng chị Tr không đồng ý việc cho S trả dần, không nhận lại tiền từ ai khác ngoài S, chị Tr nói bản thân giao cho S tiền đi đặt cọc thì S có trách nhiệm phải trả lại cho chị Tr đủ số tiền cọc đã giao.

Sau đó chị Tr còn nhiều lần liên lạc yêu cầu S trả lại tiền, lần gần nhất là khoảng tháng 6/2023 chị Tr có nhờ anh L vào xã Đứ Sáng gặp S để yêu cầu trả lại tiền nhưng S nói không có đủ tiền để trả, S đề nghị được trả dần cho chị Tr nhưng chị Tr không đồng ý.

Từ lúc chị Tr yêu cầu S trả lại tiền cọc, bản thân S có tài sản riêng là chiếc Ôtô nhãn hiệu Hyundai 110, nhưng S khai nhận lúc đó S không muốn bán xe đi để trả lại đủ tiền cọc cho chị Tr, mà muốn để xe làm phương tiện đi lại, trong thời gian chị Tr yêu cầu S trả tiền, S có bán đi, mua lại xe Ôtô cũ để sử dụng thêm 03 lần nữa, mỗi lần bán xe được số tiền trên 200.000.000 đồng, S cũng không dùng số tiền bán xe có được để trả cho chị Tr mà tiếp tục dùng để mua xe Ôtô khác.

Cáo trạng số: 40/CT - VKSKB ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo Bùi Văn S về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Bùi Văn S, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Bùi Văn S phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

- Áp dụng khoản 3 Điều 175 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- + Xử phạt Bùi Văn S từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo bản thân là lao động tự do không có tài sản nên không đề nghị áp dụng phạt tiền bổ sung.

- Về TNDS: Căn cứ điều 48 của BLHS. Buộc bị cáo Bùi Văn S trả lại cho chị Hoàng Thị Thùy Tr số tiền 248.000.000 đồng đã chiếm đoạt và 20.000.000 đồng bị cáo nhận từ hộ ông Bùi Văn X. Tổng là 268.000.000 đồng.

Xác nhận bị cáo đã nộp 213.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bôi để khắc phục hậu quả còn phải trả chị Tr 55.000.000 đồng.

Anh S1 đã trả lại chị Hoàng Thị Thùy Tr số tiền 25.000.000 đồng là tiền công môi giới, chị Tr đã nhận lại nên không đề cập.

Đối với số tiền 250.000.000 theo hợp đồng đặt cọc giữa chị Hoàng Thị Thùy Tr và các hộ ông Bạch Thế H 150.000.000 đồng và ông Bạch Công X 60.000.000 đồng (S đã nhận 20.000.000 đồng tiền chênh lệch trong số tiền đặt cọc của hộ ông X, thực tế ông X chỉ nhận 40.000.000 đồng); ông Bùi Văn B đã trả lại cho chị Tr 40.000.000 đồng, chị Tr đã nhận lại. Nếu các bên có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về án phí Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày đồng ý với tội danh, điều khoản Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là có căn cứ, không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện viện kiểm sát, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng thời hạn phạt tù là 05 năm 06 tháng.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn S đã khai nhận hành vi của mình như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo đồng ý với quan điểm của người bào chữa không có ý kiến tranh luận bổ sung, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thời hạn tù nhẹ nhất.

- Người bị hại có ý kiến: Đề nghị HĐXX buộc bị cáo Bùi Văn S phải trả lại số tiền 523.000.000 đồng và trả lãi theo lãi suất ngân hàng 13,5%/1năm đối với số tiền trên, trả tiền chênh lệch 50.000.000 đồng/1 ha đối với diện tích 06 hộ dân chi đã đặt cọc sau đó S đã môi giới bán cho chị A.

- Các hộ ông Bạch Công B, Bùi Văn G, Bùi Văn Th, Đinh Thế Đ, Bùi Văn R, Bùi Văn Đ đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Vũ Hòa A, tại phiên tòa và lời khai tại hồ sơ các hộ không có ý kiến gì về thừa đất do đã chuyển nhượng.

- Ý kiến của bà Vũ Hòa A trong hồ sơ thể hiện bà đã nhận chuyển nhượng các thửa đất của ông Bạch Công B, Bùi Văn G, Bùi Văn Th, Đinh Thế Đ, Bùi Văn R, Bùi Văn Đ theo đúng quy định của pháp luật, bà đã trả lại Bùi Văn S đầy đủ số tiền đã đặt cọc 06 hộ dân trước đó bà không liên quan đến vụ việc.

- Ý kiến của ông Bạch Thế H, Bạch Công X xác nhận ông H nhận tiền đặt cọc từ Bùi Văn S 150.000.000 đồng, ông X nhận 60.000.000 đồng sau đã đưa lại cho sự 20.000.000 đồng các ông đồng ý sau sẽ trả lại cho chị Tr.

- Ý kiến ông B, ông đã trả lại cho chị Tr 40.000.000 đồng, chị Tr xác nhận đã nhận số tiền trên các bên không có ý kiến gì thêm.

- Ý kiến anh S1, anh đã trả lại chị Hoàng Thị Thùy Tr số tiền 25.000.000 đồng là tiền công môi giới, do việc mua bán 09 thửa đất của các hộ dân không thành, chị Tr xác nhận đã nhận lại số tiền trên các bên không có ý kiến gì thêm.

- Ý kiến chị L xác nhận chị là người nộp thay bị cáo số tiền 213.000.000 đồng, để trả chị Tr đây là tiền của bị cáo, chị không có ý kiến yêu cầu gì đối với bị cáo.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Đối với yêu cầu của chị Tr yêu cầu bị cáo S trả 523.000.000 đồng là không có căn cứ vì bị cáo S chỉ chiếm đoạt của chị 248.000.000 đồng, còn lại là các giao dịch dân sự 250.000.000 đồng chị Tr ký hợp đồng đặt cọc với ông H, ông X và ông B (*trong đó ông X đã đưa cho S 20.000.000 đồng*), 25.000.000 đồng là tiền công môi giới trả cho S1. Do đó chỉ buộc bị cáo S trả lại chị Tr tổng số tiền 268.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu tính lãi 13,5%/1 năm đối với số tiền 523.000.000 đồng; đối với yêu cầu bị cáo S trả tiền chênh lệch 50.000.000 đồng/1ha cho chị Tr do S đã môi giới bán các thửa đất chị Tr đã đặt cọc, sẽ giành quyền khởi kiện ở vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, Quyết định Tố tụng*: Cơ quan điều tra huyện Kim Bôi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng trình tự thủ tục, theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về hành vi của bị cáo*: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Xét lời khai của bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. HĐXX xét thấy: Do tin tưởng Bùi Văn S chị Hoàng Thị Thùy Tr đã nhờ S cầm tiền của chị Tr đi đến các hộ dân tại xóm Vó Mái và xóm Gò Bùi, xã Đủ Sáng để đặt cọc và lập hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của họ cho chị Tr gồm hộ ông Bạch Công B, Bùi Văn G, Bùi Văn Th, Đinh Thế Đ, Bùi Văn R, Bùi Văn Đ, Bạch Thế H, Bùi Văn B, Bạch Công X, chị Tr đưa cho anh L 500.000.000 đồng tiền mặt để đưa cho S, chị Tr trực tiếp chuyển khoản cho S 03 lần vào tài khoản ngân hàng MB số 0300117039009 của S với tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Tổng số tiền chị Tr giao cho S là 800.000.000 đồng, sau đó S cùng anh L, S1 đã trực tiếp thay mặt chị Tr đi đặt cọc cho 09 hộ dân (*tất cả các hợp đồng đặt cọc đều ghi bên nhận chuyển nhượng là chị Tr và bên chuyển nhượng là thông tin các hộ dân*).

Trong tổng số tiền 800.000.000 đồng chị Tr giao cho S và S1 đã đi đặt cọc cho 09 hộ dân theo hợp đồng đặt cọc hết tổng là 723.000.000 đồng, 50.000.000 đồng chị Tr trả công môi giới cho S và S1, còn thừa 27.000.000 đồng S đã chuyển khoản trả lại cho chị Tr.

Sau khi S đi đặt cọc đất cho 09 hộ dân đến khoảng giữa tháng 02/2022, Bùi Xuân H là người môi giới cho chị Vũ Hòa A, có nhu cầu mua đất rừng ở xóm Vó Mái, xã Đủ Sáng, vì vậy H đi đến xóm Vó Mái hỏi một số hộ dân có đất rừng thì các hộ dân nói lại là S đã đặt cọc mua đất của các hộ dân. Sau đó H đi đến gặp S hỏi thì được S cho biết S đã đặt cọc để mua đất rừng của 09 hộ dân ở xóm Vó Mái và xóm Gò Bùi với giá 160.000.000 đồng/1ha, S không nói S đặt cọc giúp chị Tr, H đặt vấn đề với S về việc H có khách muốn mua đất rừng của các hộ dân với giá khoảng 210.000.000 đồng/1ha, nếu S đồng ý bán lại cho khách của H thì tiền chênh lệch sẽ chia nhau S đồng ý. Sau đó S đã không nói cho 06 hộ dân là Bạch Công B, Bùi Văn G, Bùi Văn Th, Đinh Thế Đ, Bùi Văn R, Bùi Văn Đ đã chuyển nhượng các thửa đất chị Tr đã đặt cọc trước đó cho người khác, bảo các hộ dân ký chuyển nhượng cho chị Vũ Hòa A, sau khi các hộ dân chuyển nhượng đất cho chị A, chị A đã trả lại toàn bộ số tiền đặt cọc cho S trước đó chị Tr nhờ S đặt cọc cho 06 hộ dân, ngày 26/02/2022 S biết chị Tr đã phát hiện ra việc S môi giới bán thửa

đất của 06 hộ dân mà chị Tr đã đặt cọc cho người khác, nên S đã chuyển khoản lại cho chị Tr số tiền 250.000.0000 đồng.

Sau đó chị Tr đã nhiều lần yêu cầu S trả lại số tiền 523.000.000 đồng. trong đó có 250.000.000 đồng tiền đặt cọc của 03 hộ dân là giao dịch dân sự, 50.000.000 đồng là tiền công chị Tr thuê S và S1 tiền công đi đặt cọc và môi giới mỗi người 25.000.000 đồng, 25.000.000 đồng chị Tr trả công cho S1 là giao dịch dân sự. Khi chị Tr yêu cầu S trả lại tiền đã đi đặt cọc của 09 hộ dân và tiền công thuê môi giới do chuyển nhượng 09 thửa đất không thành, S xin trả dần mặc dù sự có đủ điều kiện để trả tiền chị Tr nhưng bị cáo cố tình không trả, S đã dùng tiền của chị Tr nhiều lần mua đi, bán lại xe Ôtô. Tổng số tiền bị cáo S chiếm đoạt của chị Tr là 248.00.000 đồng.

Hành vi của Bùi Văn S đã cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo:*

- Bị cáo Bùi Văn S là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo chiếm đoạt trái phép tài sản lớn của chị Tr là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của chị Tr được pháp luật bảo vệ, gây nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự an toàn xã hội, nên phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo, để răn đe và phòng ngừa tội phạm.

- Về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt trước khi phạm tội, không có tiền án, tiền sự.

- Bị cáo Bùi Văn S có các tình tiết giảm nhẹ là, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục gần như toàn bộ cho bị hại, là người dân tộc thiểu số sống tại địa bàn khó khăn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. HĐXX xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo lợi dụng lòng tin của chị Tr đã chiếm đoạt số tiền lớn của bị hại. Do vậy cần thiết phải cách ly bị cáo, khỏi xã hội một thời gian nhất định, theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm, như đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận, để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[4] *Về hình phạt bổ sung:* Xét điều kiện kinh tế của bị cáo là lao động tự do, bản thân không có tài sản, do vậy không áp dụng phạt tiền bổ sung đối với bị cáo, quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:*

Chị Tr yêu cầu bị cáo trả lại tổng số tiền 523.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi đối với số tiền là 13%/1năm và yêu cầu bị cáo trả tiền chênh lệch do S đã môi giới đề 06 hộ dân chuyển nhượng các thửa đất cho chị A, chị đã đặt cọc trước đó là 50.000.000đồng/1ha.

HĐXX xét thấy Tổng số tiền bị cáo S đặt cọc cho chị Tr là 773.000.000 đồng, S đã trả lại chị Tr 250.000.000 đồng qua tài khoản trước khi bị bắt. Còn lại 523.000.000 đồng, trong đó 250.000.000 đồng là tiền đặt cọc cho 03 hộ dân là ông Bạch Thế H 150.00.000 đồng, ông Bùi Văn B 40.000.000 đồng, ông Bạch Công X 60.000.000 đồng, ông X đã đưa cho S 20.000.000 đồng tiền chênh lệch môi giới, 50.000.000 đồng là tiền công chị Tr thuê S và S1 môi giới (S hưởng 25.000.000 đồng, S1 hưởng 25.000.000 đồng) sau khi hoàn thành việc chuyển nhượng các thửa đất với 09 hộ dân, tuy nhiên S đã không làm đúng thỏa thuận của chị Tr, chị Tr yêu cầu S và S1 trả lại.

Như vậy tổng số tiền bị cáo Bùi Văn S chiếm đoạt của chị Tr là 248.000.000 đồng cần buộc bị cáo phải trả lại cho chị Tr và 20.000.000 đồng tiền nhận của ông Bạch Công X từ hợp đồng đặt cọc ký với chị Tr. Tổng số tiền bị cáo phải trả lại chị Tr là 268.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu tính lãi theo yêu cầu của chị Tr vì hành vi của bị cáo S không phải là giao dịch dân sự, theo quy định tại Điều 48 của BLHS; đối với yêu cầu buộc bị cáo S trả tiền chênh lệch 50.000.000 đồng/1ha sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

Xác nhận bị cáo đã nộp 213.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

[6] *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Đối với Hoàng Văn S1 được nhận 25.000.000 đồng tiền công môi giới chuyển nhượng 09 thửa đất của các hộ dân theo thỏa thuận của chị Tr tuy nhiên S đã vi phạm thỏa thuận với chị Tr, S1 cũng biết S đã môi giới bán lại 06 thửa đất các hộ đã đặt cọc với chị Tr, anh S1 đã trả lại cho chị Tr 25.000.000 đồng, chị Tr xác nhận đã nhận số tiền trên nên không đề cập.

Đối với 06 hộ dân đã chuyển nhượng các thửa đất nhận đặt cọc với chị Tr, sau đó đã chuyển nhượng cho chị Vũ Hòa A các bên đã hoàn tất thủ tục theo quy định của pháp luật, bị cáo Bùi Văn S đã nhận lại toàn bộ tiền đặt cọc của chị Tr từ chị Vũ Hòa A nên HĐXX không xem xét các giao dịch này.

Đối với ý kiến chị L là người nộp thay bị cáo số tiền 213.000.000 đồng, đề trả chị Tr đây là tiền của bị cáo, chị không có ý kiến yêu cầu gì đối với bị cáo nên không xem xét.

Đối với số tiền 230.000.000 đồng là tiền đặt cọc của chị Hoàng Thị Thùy Tr với 03 hộ ông Bạch Thế H 150.00.000 đồng, ông Bạch Công X 60.000.000 đồng (ông X đã đưa cho S 20.000.000 đồng) Xác nhận ông Bùi Văn B đã trả lại cho chị Tr 40.000.000 đồng đây là các giao dịch dân sự nếu các bên có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác khi có yêu cầu.

[7] *Về án phí:* Bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] *Quyền kháng cáo*: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Văn S** phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

- Căn cứ khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt Bùi Văn S: **05** (Năm) năm **06** (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/5/2024 (*Ngày bắt tạm giam*).

2. Về Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Buộc Bùi Văn S phải trả lại chị Hoàng Thị Thùy Tr số tiền 268.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi tám triệu*).

Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền: 213.000.000 (*Hai trăm mười ba triệu*) đồng tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Kim Bôi; được niêm phong trong 01 phong bì dán kín mặt trước ghi “tổng số tiền mặt 213.000.000 đồng” (*Hai trăm mười ba triệu*) tại mặt sau có dấu tròn đỏ niêm phong của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bôi.

Hiện trạng theo biên bản giao vật chứng, tài sản ngày 18 tháng 10 năm 2024 giữa, Công an huyện Kim Bôi và Chi cục thi hành án Dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Bị cáo Bùi Văn S phải tiếp tục trả lại số tiền 55.000.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu*) cho chị Hoàng Thị Thùy Tr.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Bùi Văn S phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng, án phí hình sự sơ thẩm và 2.750.000 đồng án phí DSST.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Công an huyện Kim Bôi;
- Sở TP tỉnh HB;
- Cơ quan thi hành án HS;
- Thi hành án DS huyện Kim Bôi;
- Bị cáo; Người tham gia TT khác;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Quang Dự